TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/DS-PT
Ngày: 24-5-2022
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Ái Loan

Ông Đặng Văn Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Cẩm Nang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Trần Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST, ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã D bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 153/2022/QĐPT-DS ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

- *Người đại diện hợp pháp của bà H*: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1975, địa chỉ số 200 Phan Đình Phùng, phường 7, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lê Cẩm T, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, phường 2, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo*: Bà Trần Thị Mỹ H là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/3/2021 của bà Trần Thị Mỹ H là nguyên đơn trình bày:

Bà có cho bà Lê Cẩm T vay nhiều lần, hiện nay bà T còn thiếu bà 05 lần vay bằng 490.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 03/7/2017 vay 30.000.000 đồng;

- Ngày 07/7/2017 vay 100.000.000 đồng;

- Ngày 07/7/2017 vay 50.000.000 đồng;

- Ngày 04/3/2018 vay 260.000.000 đồng;

- Ngày 12/5/2018 vay 50.000.000 đồng;

Khi vay bà T có viết biên nhận cho bà H giữ. Khi vay bà T hứa trả trong thời gian sớm nhất, biên nhận không có ghi thời hạn vay và lãi suất. Hai bên có thỏa thuận lãi suất một triệu một ngày bằng 2.000 đồng. Sau khi vay bà T không chịu trả nên bà H khởi kiện bà Lê Cẩm T trả số vốn 490.000.000 đồng. Tiền lãi của khoản vay năm 2017 bằng 180.000.000 đồng không yêu cầu, tiền lãi khoản vay năm 2018 số vốn 310.000.000 đồng yêu cầu tính lãi từ ngày 12/5/2018 đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 20%/ năm.

Bà Lê Cẩm T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 08/10/2021 của Tòa án nhân dân thị xã D đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ H. Buộc bà Lê Cẩm T trả cho bà Trần Thị Mỹ H số tiền 180.000.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của của bà Trần Thị Mỹ H về không tính lãi khoản vay năm 2017.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/10/2021 bà Trần Thị Mỹ H kháng cáo yêu cầu bà Lê Cẩm T phải trả số vốn vay năm 2018 bằng 310.000.000 đồng, lãi suất 10%/ năm thời gian từ ngày 12/5/2018 đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Yêu cầu kháng cáo của bà H là có cơ sở chấp nhận đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Cẩm T được Tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt 2 lần không có lý do căn cứ khoản 3 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bà Lê Cẩm T.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Mỹ H yêu cầu bà Lê Cẩm T phải trả số vốn vay năm 2018 bằng 310.000.000 đồng, lãi suất 10%/ năm thời gian từ ngày 12/5/2018 đến khi xét xử sơ thẩm.

Chứng cứ bà H cung cấp là giấy ghi nợ do bà Lê Cẩm T viết và ký tên mỗi lần vay nợ. Tại (BL số 29) thể hiện ngày 04/3/2018 vay 260.000.000 đồng; Ngày 12/5/2018 vay 50.000.000 đồng. Trong giấy nợ này có thể hiện sửa chữa viết chồng lên số cũ ngày, tháng và số tiền. Theo bà H khai việc viết biên nhận và sửa biên nhận là do bà T viết cụ thể ngày 02/2/2018 bà T mượn 270.000.000 đồng đến ngày 04/3/2018 bà T trả lãi và trả vốn 10.000.000 đồng nên bà T sửa lại ngày vay là ngày 04/3/2018 và số vốn sửa lại là 260.000.000 đồng. Ngày 12/3/2018 bà T mượn 30.000.000 đồng đến ngày 12/5/2018 bà T đóng lãi số vốn 30.000.000 đồng và mượn thêm 20.000.000 đồng nữa nên sửa lại ngày 12/5/2018 vay 50.000.000 đồng.

[3] Tại tòa phúc thẩm bà Trần Thị Mỹ H có cung cấp cuốn sổ theo dõi việc vay nợ của bà T viết cho bà H giữ. Các lần vay cũng có sửa chữa như giấy ghi nhận nợ bà H cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm và các khoản trả nợ xong thì được viết chữ "R" hoặc chữ "Bỏ" chồng lên dòng chữ viết ngày tháng năm vay tiền.

[4] Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân thị xã D đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho bà T nhưng bà từ chối nhận văn bản tố tụng, Tòa án đã niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà Lê Cẩm T cũng không đến Tòa án để cung cấp chứng cứ hay có ý kiến phản bác lại yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ H.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự: *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*.

Bà Lê Cẩm T không có ý kiến phản đối việc bà Trần Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu trả số vốn 490.000.000 đồng và tiền lãi từ khi vay đến khi xét xử sơ thẩm. Tòa án cấp sơ sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản vay năm 2018 của bà T là chưa có cơ sở. Yêu cầu kháng cáo của bà H là có căn cứ để chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu tính lãi của bà H từ ngày 12/5/2018 đến khi xét xử sơ thẩm là có căn cứ. Theo các biên nhận ngày 04/3 và 12/5 không có thỏa thuận lãi suất và cũng không thỏa thuận thời gian trả nợ. Do đó, phải áp dụng điều 469 Bộ luật dân sự và Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để giải quyết tiền lãi.

Tiền lãi tính như sau:

Tiền lãi từ ngày 04/11/2020 (*ngày gửi đơn yêu cầu*) đến ngày 08/10/2021 (*ngày xét xử sơ thẩm*) là 11 tháng 4 ngày.

310.000.000 đồng x10%/ năm x 11 tháng 4 ngày = 28.646.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bà T phải trả cho bà H bằng 518.646.000 đồng. Trong đó tiền vốn 490.000.000 đồng, lãi 28.646.000 đồng.

[6] Từ các chứng cứ phân tích nêu trên chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Mỹ H. Chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bà H được chấp nhận nên bà không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự,

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Mỹ H.

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 08/10/2021 của Tòa án nhân dân thị xã D.

Tuyên xử:

Buộc bà Lê Cẩm T trả cho bà Trần Thị Mỹ H bằng 518.646.000 đồng *(Năm trăm mười tám triệu sáu trăm bốn mươi sáu ngàn đồng*). Trong đó tiền vốn 490.000.000 đồng *(Bốn trăm chín mươi triệu đồng)*, lãi 28.646.000 đồng *(Hai mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi sáu ngàn đồng)*.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Lê Cẩm T phải chịu 24.745.800 đồng. Hoàn trả cho bà Trần Thị Mỹ H 11.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0001877 ngày 08/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D.

Bà Trần Thị Mỹ H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008088 ngày 19/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D cho bà Trần Thị Mỹ H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND thị xã D;
- Chi cục THADS thị xã D;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Trung